KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2015

Ngành: **Quản trị kinh doanh**
Chuyên ngành: ***Quản trị tài chính doanh nghiệp***
Mã số ngành: **52340101**
Khoa: Kinh tế **126** tín chỉ tích lũy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ				Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
Học kỳ 1										
01	MCA064	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	BB	2	2				K. GDĐC	
02	MCA019	Pháp luật đại cương	BB	3	3				K. GDĐC	
03	MCA011	Kinh tế vi mô	BB	3	3				K. Kinh tế	
04	MCA052	Quản trị học	BB	3	3				K. Kinh tế	
05	MCA048	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	BB	3	3				K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 1		**14**	**14**	**0**	**0**	**0**		
Học kỳ 2										
01	MCA065	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	BB	3	3				K. GDĐC	
02	MCA023	Tiếng Anh 1	BB	3	3				K.NN&VHNN	
03	MCA012	Kinh tế vĩ mô	BB	3	3				K. GDĐC	
04	MCA049	Marketing căn bản	BB	3	3				K. Kinh tế	
05	MCA051	Nguyên lý kế toán	BB	3	3				K. Kinh tế	
06	MCA015	Lý thuyết xác suất và thống kê	BB	3	3				K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 2		**18**	**18**	**0**	**0**	**0**		
Học kỳ 3										
01	MCA028	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2				K. GDĐC	
02	MCA024	Tiếng Anh 2	BB	3	3				K.NN&VHNN	
03	1A05031	Kiến tập chuyên ngành Quản trị tài chính doanh nghiệp	BB	1		1			K. Kinh tế	
04	1A05008	Kinh tế lượng	BB	3	3				K. Kinh tế	
05	1A05029	Thị trường tài chính	BB	3	3				K. Kinh tế	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	***TC***	***3***	***3***					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ				Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
06	1A05011	Đạo đức trong kinh doanh	TC	3	3				K. Kinh tế	
	MCA016	Môi trường và con người	TC	3	3				K. Kinh tế	
	1A03016	Quản trị hành chính văn phòng	TC	3	3				K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 3		**15**	**14**	**1**	**0**	**0**		
Học kỳ 4										
01	MCA002	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	BB	3	3				K. GDĐC	
02	1A10052	Tiếng Anh 3	BB	3	3				K.NN&VHNN	
03	1A05024	Tài chính doanh nghiệp cơ bản	BB	3	3				K. Kinh tế	
04	1A06029	Thống kê ứng dụng	BB	3	1	2			K. Kinh tế	
05	1A05014	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	BB	3	3				K. Kinh tế	
06	1A05006	Kế toán tài chính	BB	3	3				K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 4		**18**	**16**	**2**	**0**	**0**		
Học kỳ 5										
1	1A10052	Tiếng Anh 4	BB	3	3				K.NN&VHNN	
2	1A05032	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	BB	3	2	1			K. Kinh tế	
3	1A05019	Pháp luật trong kinh doanh	BB	3	3				K. Kinh tế	
4	1A05026	Tài chính quốc tế	BB	3	3				K. Kinh tế	
5	1A05017	Phân tích báo cáo tài chính	BB	3	3				K. Kinh tế	
6	1A05025	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	BB	3	3				K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 5		**18**	**17**	**1**	**0**	**0**		
Học kỳ 6										
01	1A05036	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - ngân hàng	BB	3	3				K. Kinh tế	
02	1A03032	Thuế	BB	3	3				K. Kinh tế	
03	1A05033	Tài chính cá nhân	BB	3	3				K. Kinh tế	
04	1A05030	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	BB	3	3				K. Kinh tế	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	***TC***	***3***	***3***					
05	1A05012	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối	TC	3	3				K. Kinh tế	
	1A03141	Tài chính công ty đa quốc gia	TC	3	3				K. Kinh tế	
	1A03004	Kế toán quản trị	TC	3	3				K. Kinh tế	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	***TC***	***3***	***3***					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ				Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
06	1A05028	Thanh toán quốc tế	TC	3	3				K. Kinh tế	
	1A05027	Thẩm định tín dụng	TC	3	3				K. Kinh tế	
	1A04041	Kiểm toán 1	TC	3	3				K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 6		**18**	**18**	**0**	**0**	**0**		
Học kỳ 7										
01	1A05022	Quản trị rủi ro tài chính	BB	3	3				K. Kinh tế	
02	1A05035	Thực tập rèn nghề quản trị tài chính DN	BB	2		2			K. Kinh tế	
03	1A05034	Thực hành phân tích tài chính trên Excel	BB	2	1	1			K. Kinh tế	
04	1A05003	Định giá, sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (M&A)	BB	3	3				K. Kinh tế	
05	1A05039	Thực tập tốt nghiệp đại học Quản trị tài chính doanh nghiệp	BB	3		3			K. Kinh tế	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	***TC***	***3***	***3***					
06	1A03132	Bảo hiểm	TC	3	3				K. Kinh tế	
	1A05037	Quản lý danh mục đầu tư	TC	3	3				K. Kinh tế	
	1A05038	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	TC	3	3				K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 7		**16**	**10**	**6**	**0**	**0**		
Học kỳ 8										
01	1A05040	Khóa luận tốt nghiệp đại học Quản trị tài chính doanh nghiệp	BB	9				9	K. Kinh tế	
		(Các học phần thay thế KL tốt nghiệp)		***9***	***7***	***2***				
01	1A03144	Quản trị dự án đầu tư	TC	3	3				K. Kinh tế	
02	1A03047	Khởi nghiệp kinh doanh	TC	3	1	2			K. Kinh tế	
03	1A04049	Quản trị tài chính	TC	3	3				K. Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 8		**9**	**7**	**2**	**0**	**9**		

Ghi chú:

Tổng số tín chỉ tích lũy toàn khóa là 126 (không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng)

Môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng sẽ được bố trí theo kế hoạch chung của toàn trường

TRƯỞNG KHOA **TRƯỞNG BỘ MÔN**